



HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Tên gói thầu:

Mua sắm máy chủ, thiết bị mạng

Dự án:

Xây dựng triển khai hạ tầng công nghệ HVS

Phát hành ngày:

26/11/2024.....

Bên Mời thầu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS



TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS
Dự án	Xây dựng triển khai hạ tầng công nghệ HVS
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đồng Việt Nam

Đ T
PH
G K
VIỆ
T.F

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HVS mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

- Tên gói thầu: Mua sắm máy chủ, thiết bị mạng.

2. Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để thực hiện gói thầu: Vốn tự có.

3. Loại hợp đồng: trọn gói.

4. Thời gian thực hiện Hợp Đồng: quy định tại Chương II. Bảng Dữ liệu đấu thầu chi tiết.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: theo quy định tại Chương II. Bảng dữ liệu gói thầu chi tiết.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời thầu muộn nhất trước ngày **27/11/2024**. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn ngày **27/11/2024**.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương IV – Biểu mẫu;
2. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 07 Chương IV – Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 Chương IV – Biểu mẫu;
5. Các nội dung khác: Nhà thầu có Giấy chứng nhận đối tác của hãng hoặc thư ủy quyền bán hàng từ hãng hoặc từ đại lý được ủy quyền từ hãng hoặc các tài liệu có liên quan khác.

Hàng hóa cam kết chính hãng, có đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ).

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà thầu; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở thầu thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày đóng thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

Gói thầu không áp dụng biện pháp bảo đảm dự thầu.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 17 giờ 00 ngày 29 tháng 11 năm 2024

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ bên mời thầu. Trường

hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm đóng thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu đến bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà thầu nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các nhà thầu vào lúc 09 giờ 00 ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS, Tầng 4, Trung tâm dịch vụ thương mại Công Vị, 2 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự quy định của pháp luật.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời thầu, bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDX của nhà thầu.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời thầu trước 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà thầu phụ

Nhà thầu phụ: Không sử dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Nhà thầu phải nộp các giấy tờ, tài liệu chứng minh nếu hàng hóa của nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

Mục 16. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tối đa 10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với giá trị và nội dung theo quy định tại Chương II. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 08 Chương V hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

Chương II: BẢNG DỮ LIỆU GÓI THẦU CHI TIẾT

Điều	Khoản	Nội dung
1	1	Tên gói thầu: “Mua sắm máy chủ, thiết bị mạng”
	2	Thời gian thực hiện HD: Trong vòng 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu
		Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS Địa chỉ: Tầng 4, Trung tâm dịch vụ thương mại Cống Vị, số 2 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội Mã số thuế: 0306353700
	3	Nơi nhận hồ sơ dự thầu: Phòng CNTT, Tầng 4, Trung tâm dịch vụ thương mại Cống Vị, số 2 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Người nhận hồ sơ: Mr. Nguyễn Văn Chúc – Chuyên viên CNTT Mobile: 0886269911
2		Nguồn vốn thực hiện gói thầu: Vốn tự có
3	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải có đủ các điều kiện sau - Có GPĐKKD, thành lập hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Hạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Không chào nhiều mức giá khác nhau hoặc có điều kiện kèm theo gây bất lợi cho HVS. - Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định Luật Đấu thầu
	2	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính với HVS (trường hợp liên danh thì từng nhà thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính). Nhà thầu cần xem xét kỹ mọi hướng dẫn, mẫu khai, thời hạn và các thông tin khác trong HSYC, HSĐX của nhà thầu có thể bị loại nếu không cung

		cấp đầy đủ các thông tin cần thiết hay hồ sơ về cơ bản không đạt yêu cầu của HSYC.
4		Địa chỉ nhận văn bản đề nghị giải thích từ ngữ, làm rõ: Nêu tại điều 1 khoản 3 của Bảng dữ liệu. Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích không muộn hơn 02 ngày trước thời điểm đóng thầu.
5		HVS có quyền sửa đổi HSYC bằng cách phát hành phần bổ sung với bất kỳ lý do nào và tại bất kỳ thời điểm nào trước hạn nộp HSDX. Tất cả các bên tham gia thầu đều được thông báo về phần bổ sung bằng văn bản và họ sẽ bị ràng buộc bởi phần bổ sung này. Để nhà thầu có đủ thời gian điều chỉnh HSDX thích ứng với phần sửa đổi, HVS sẽ gia hạn thời gian nộp HSDX nếu cần thiết. Mọi bổ sung đưa ra trong vòng 03 ngày trước thời điểm đóng thầu
6		Trong biểu giá, nhà thầu phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: - Giá trước thuế - Thuế (các loại thuế theo quy định của Nhà nước). - Giá sau thuế. - Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm tất cả các chi phí để thực hiện các công việc sau: Vận hành, hướng dẫn sử dụng, tích hợp hệ thống, chuyên giao công nghệ, xử lý các sự cố kỹ thuật (nếu có), bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, các chi phí khác liên quan đến phạm vi cung cấp hàng hóa.
7		Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND)
8	1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu: - Nhà thầu phải nộp bản sao có công chứng GCN ĐKKD hoặc GPĐKKD hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. - Trường hợp liên danh: Ngoài việc từng nhà thầu nộp các giấy tờ như quy định đối với nhà thầu độc lập, nhà thầu liên danh phải nộp kèm theo văn bản thỏa thuận giữa các nhà thầu được ký bởi đại diện hợp pháp của các nhà thầu trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng nhà thầu với gói thầu - Có giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của người đại diện nhà thầu trong đơn dự thầu
	2	Năng lực và kinh nghiệm: Nhà thầu phải đáp ứng hoặc cung cấp các tài liệu sau nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. - Nhà thầu phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp.

		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp ít nhất 01 hợp đồng tương tự (bản sao y) trong 03 năm gần nhất; mỗi hợp đồng có giá trị không thấp hơn 1,5 tỷ đồng. - Nhà thầu phải cung cấp bản sao hợp đồng lao động còn hiệu lực và bằng cấp chứng chỉ liên quan có xác nhận sao y bản chính của cán bộ kỹ thuật tham gia triển khai. (Tối thiểu phải có 03 tham gia triển khai) - Bản sao y chứng nhận hoặc đại lý hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng của hãng sản xuất hoặc nhà phân phối cho đơn vị cung cấp <p>Năng lực tài chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn điều lệ thấp nhất: 5 tỷ (Năm tỷ đồng) - Báo cáo tài chính (sao y công chứng) có xác nhận của cơ quan kiểm toán (nếu có) trong năm gần nhất, đảm bảo phải có lãi. - Có bản cam kết tuân thủ các điều khoản thanh toán theo quy định.
9	1	<p>Tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa:</p> <p>Hàng hóa cung cấp của nhà thầu phải đáp ứng đầy đủ theo tiêu chí kỹ thuật mà HVS yêu cầu ; đồng thời phải có giấy tờ chứng minh: Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm (CO), Chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CQ) kèm theo Serial, Phiếu bảo hành,.. của chính hãng. Hàng hóa cung cấp không thuộc danh mục ngừng sản xuất của hãng trong thời gian 01 năm kể từ ngày chào giá.</p>
10		Thời gian có hiệu lực của HSDX: 30 ngày kể từ ngày đóng thầu
11		Nhà thầu phải cung cấp : 01 bản hồ sơ gốc + 01 bản sao + 01 USB (được lưu dưới dạng điện tử bằng định dạng words. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa HSDX thì bản gốc có giá trị quyết định.
12		HSDX được gửi đến HVS không muộn hơn 17h00 ngày 29 tháng 11 năm 2024 . Hồ sơ nhận sau thời hạn quy định sẽ coi như không hợp lệ và sẽ bị loại ra khỏi đợt đấu thầu.
13		Nhà thầu phải gửi văn bản chấp thuận thương thảo và hoàn thiện hợp đồng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo trúng thầu.
14		Tài khoản thanh toán để thực hiện hợp đồng: Nhà thầu sau khi trúng thầu phải mở tài khoản tại 01 Ngân hàng thương mại tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch liên quan đến tạm ứng và thanh toán tại HVS.
15		Phương thức thanh toán: theo thỏa thuận khi Các Bên đàm phán Hợp đồng.
16		Cam kết của nhà thầu trúng thầu: Cam kết hỗ trợ dịch vụ triển khai cung cấp phần cứng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật do HVS đưa ra.

11
P
10
11

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- i) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Theo quy định chi tiết tại Chương II.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Căn cứ vào tính chất của từng gói thầu cụ thể, bên mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá: thời gian hàng hoá đã được sử dụng trên thị trường, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO...

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì; năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; khả năng lắp đặt thiết bị, hàng hoá;

- Khả năng thích ứng về địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó;

- Các yếu tố cần thiết khác.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà thầu;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá

của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của nhà thầu này; trường hợp HSĐX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Mục 5. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần (nếu có)

Nếu gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì việc đánh giá HSĐX và xét duyệt trúng thầu được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 117 Nghị định 63/CP.

Chương IV. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói thầu: ____ [*Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng*]

Tên dự án: ____ [*Ghi tên dự án*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà thầu*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] cam kết thực hiện gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác

nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CCCD/CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CCCD/CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _ [Ghi tên dự án] do _ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

Handwritten red mark or signature on the right edge of the page.

Mẫu số 04a

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [Ghi tên dự án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ___ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu

cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Chi dẫn nhà thầu.

Mẫu số 05

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
<p>Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i></p>						<p>M=M1+M2+...+Mn</p>

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu. Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) bên mời thầu ghi phù hợp với Bảng dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

Các cột (7), (8) do nhà thầu chào.

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT⁽¹⁾

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

Ghi chú:

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [Ghi tên bên mời thầu] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là Hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin phát hành Thư Bảo Lãnh này để cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu với các điều kiện và điều khoản như sau:

1. Bên Được Bảo Lãnh: ____ [ghi tên nhà thầu]
2. Bên Nhận Bảo Lãnh: Công ty Cổ phần Chứng khoán HVS
3. Nghĩa vụ bảo lãnh: thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn Số Tiền Bảo Lãnh
4. Số Tiền Bảo Lãnh là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng].
5. Điều kiện thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh: Ngân hàng cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.
6. Thời hạn bảo lãnh: Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.
7. Thư Bảo Lãnh không được phép chuyển nhượng.
8. Thư Bảo Lãnh được phát hành thành 01 (một) bản gốc duy nhất bằng tiếng Việt và do Bên Nhận Bảo Lãnh giữ. Các bản copy và công chứng không có giá trị làm căn cứ đòi tiền. Thư Bảo Lãnh sẽ không bị thu hồi hoặc hủy bỏ trong thời gian hiệu lực bởi ngân hàng mà không có lý do chính đáng.

Thư Bảo Lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư Bảo Lãnh sẽ do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hà Nội giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số ____ [*ghi số hợp đồng*] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

Chương V. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương IV – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Bảng số 1. Phạm vi cung cấp hàng hóa

Đáp ứng đủ yêu cầu kỹ thuật ở mục 3

Mục 2.

Bảng số 2. Tiến độ cung cấp

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ cung cấp ⁽¹⁾	Địa điểm cung cấp
	Theo Mục 1 trên đây			Tối đa 4 tháng kể từ ngày Các Bên ký kết Hợp đồng	Tại Tầng 4, Trung tâm dịch vụ thương mại Cổng Việt, số 2 Liễu Giai, Cổng Việt, Ba Đình, Hà Nội

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

Bảng số 3. Yêu cầu kỹ thuật

ST T	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Số lượng	Đơn vị tính
I	Thiết bị hệ thống			
1	Thiết bị máy chủ HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus 8SFF NC Configure-to-order Server (Production) <i>(bảo hành 36 tháng), mỗi bộ bao gồm:</i>		2	bộ
	HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus 8SFF NC Configure-to-order Server Asia Pacific English		1	
	Intel Xeon-Gold 5320 2.2GHz 26-core 185W Processor for HPE		2	
	HPE 64GB (1x64GB) Dual Rank x4 DDR4-3200 CAS-22-22-22 Registered Smart Memory Kit		12	
	HPE 240GB SATA 6G Read Intensive SFF BC Multi Vendor SSD		2	
	HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus x8/x16/x8 Primary FIO Riser Kit		1	
	HPE SN1100Q 16Gb Single Port Fibre Channel Host Bus Adapter		2	
	Broadcom BCM57412 Ethernet 10Gb 2-port SFP+ Adapter for HPE		1	
	HPE 96W Smart Storage Lithium-ion Battery with 145mm Cable Kit		1	
	HPE MR416i-a Gen10 Plus x16 Lanes 4GB Cache NVMe/SAS 12G Controller		1	
	Intel I350-T4 Ethernet 1Gb 4-port BASE-T OCP3 Adapter for HPE		1	
	HPE BladeSystem c-Class 10Gb SFP+ SR Transceiver		2	
	HPE ProLiant DL300 Gen10 Plus 2U Standard Fan Kit		1	
	HPE 800W Flex Slot Platinum Hot Plug Low Halogen Power Supply Kit		2	

	HPE iLO Advanced 1-server License with 3yr Support on iLO Licensed Features		1	
	HPE ProLiant DL38x 8SFF SAS/SATA Tri-Mode Cable Kit		1	
	HPE Trusted Platform Module 2.0 Gen10 Plus Black Rivets Kit		1	
	HPE DL38X Gen10 Plus 2U SFF Easy Install Rail Kit		1	
	HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus High Performance Heat Sink Kit		2	
	HPE CE Mark Removal FIO Enablement Kit		1	
	HPE 3Y Tech Care Basic Service		1	
	HPE ProLiant DL380 Gen10+ Support		1	
2	Thiết bị máy chủ HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus 8SFF NC Configure-to-order Server (cài AD) <i>(bảo hành 36 tháng), mỗi bộ bao gồm:</i>		1	bộ
	HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus 8SFF NC Configure-to-order Server Asia Pacific English		1	
	Intel Xeon-Silver 4314 2.4GHz 16-core 135W Processor for HPE		2	
	HPE 32GB (1x32GB) Dual Rank x4 DDR4-3200 CAS-22-22-22 Registered Smart Memory Kit		4	
	HPE 2.4TB SAS 12G Mission Critical 10K SFF BC 3-year Warranty 512e Multi Vendor HDD		4	
	HPE 240GB SATA 6G Read Intensive SFF BC Multi Vendor SSD		2	
	HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus x8/x16/x8 Primary FIO Riser Kit		1	
	HPE 96W Smart Storage Lithium-ion Battery with 145mm Cable Kit		1	
	HPE MR416i-a Gen10 Plus x16 Lanes 4GB Cache NVMe/SAS 12G Controller		1	
	Intel I350-T4 Ethernet 1Gb 4-port BASE-T OCP3 Adapter for HPE		1	
	HPE ProLiant DL300 Gen10 Plus 2U Standard Fan Kit		1	
	HPE 800W Flex Slot Platinum Hot Plug Low Halogen Power Supply Kit		2	
	HPE iLO Advanced 1-server License with 3yr Support on iLO Licensed Features		1	
	HPE OneView w/o iLO including 3yr 24x7 Support 1-server FIO LTU		1	
	HPE ProLiant DL38x 8SFF SAS/SATA Tri-Mode Cable Kit		1	
	HPE Trusted Platform Module 2.0 Gen10 Plus Black Rivets Kit		1	
	HPE DL38X Gen10 Plus 2U SFF Easy Install Rail Kit		1	
	HPE CE Mark Removal FIO Enablement Kit		1	
	HPE ProLiant DL380 Gen10 Plus Standard Heat Sink Kit		2	
	HPE 3Y Tech Care Basic Service		1	
	HPE ProLiant DL380 Gen10+ Support		1	
3	Thiết bị tủ đĩa HPE MSA 2062 16Gb Fibre Channel SFF Storage <i>(bảo hành 36 tháng), mỗi bộ bao gồm:</i>		1	bộ
	HPE MSA 3.84TB SAS 12G Read Intensive SFF (2.5in) M2 3yr Wty SSD		6	

	HPE MSA 16Gb Short Wave Fibre Channel SFP+ 4-pack Transceiver		2	
	HPE 3Y Tech Care Basic Service		1	
	HPE MSA 2062 Support		1	
	HPE Premier Flex LC/LC Multi-mode OM4 2 Fiber 15m Cable		8	
5	Thiết bị lưu trữ Synology RS822+, bao gồm: <i>(bảo hành 36 tháng), mỗi bộ bao gồm:</i>		1	bộ
	4-bay 1U Rackmount NAS for Flexible and Versatile Storage for Effective Data <ul style="list-style-type: none"> • Memory 2 GB DDR4 ECC SODIMM (expandable up to 32 GB) • Compatible drive types: 4 x 3.5" or 2.5" SATA HDD/SSD (drives not included) • Synology only guarantees full functionality, reliability, and performance for Synology drives listed on the compatibility list. • External ports: 2 x USB 3.2 Gen 1 ports; 1 x Expansion port (eSATA) • PCIe expansion: <ul style="list-style-type: none"> - 1 x Gen3 4-lane x8 slot - High-performance network interface card support - M.2 NVMe/SATA SSD adapter card support • Maximum IP cam (Licenses required): 40 (including 2 Free License) 		1	
	Reliable Drives for Home and Small Office Systems <ul style="list-style-type: none"> • Capacity: 4 TB; Form factor: 3.5"; Rotational speed: 5,400 rpm; Interface speed: SATA 6 Gb/s 		4	
II	Thiết bị mạng và tường lửa (firewall)			
1	Thiết bị định tuyến Cisco Catalyst 8200L with 1-NIM slot and 4x1G WAN ports <i>(bảo hành 12 tháng), mỗi chiếc bao gồm:</i>		2	chiếc
	SN7C-8X5XNBD Cisco Catalyst 8200L with 1-NIM slot and		1	
	Cisco Catalyst 8200 Edge 4GB memory		1	
	Cisco Catalyst 8000 Edge RFID - 1RU		1	
	Cisco Catalyst 8200 Rack mount kit - 19" 1R		1	
	Network Plug-n-Play Connect for zero-touch device deployment		1	
	Cisco Catalyst 8200 Edge NIM Blank		1	
	Cisco Catalyst 8200 Edge PIM Blank		1	
	Cisco Catalyst 8000 Edge M.2 Blank Cover		1	
	U.S. Export Restriction Compliance license for C8000 series		1	
	AC Power Cord (Europe), C13, CEE 7, 1.5M		1	
	UNIVERSAL		1	
	IOS XE Autonomous or SD-Routing mode for Unified image		1	
	Cisco DNA Essentials On-Prem Lic 3Y - upto 25M (Aggr,50M)		1	
	1000BASE-T SFP transceiver module for Category 5 copper wire		2	

2	Thiết bị định tuyến Cisco ISR 4321 (2GE,2NIM,4G FLASH,4G DRAM,IPB)_ISR4321/K9 (bảo hành 12 tháng), mỗi chiếc bao gồm:	8	chiếc
	SNTC-8X5XNBD Cisco ISR 4321 (2GE,2NIM,4G FLASH,4G DRAM,IPB)	1	
	AC Power Supply for Cisco ISR 4320	1	
	AC Power Cord, Type C5, Europe	1	
	4G Flash Memory for Cisco ISR 4300 (Soldered on motherboard)	1	
	4G DRAM for Cisco ISR 4320 (Soldered on motherboard)	1	
	Network Plug-n-Play Connect SDWAN SW Device Provisioning	1	
	Network Plug-n-Play Connect VBOND Provisioning for SDWAN	1	
	Blank faceplate for NIM slot on Cisco ISR 4400	2	
	Cisco ISR 4300 Series SD-WAN IOS XE Universal	1	
	1000BASE-SX SFP transceiver module, MMF, 850nm, DOM	1	
3	Thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst 9300 24-port data only, Network Advantage (bảo hành 12 tháng), mỗi chiếc bao gồm:	2	bộ
	SNTC-8X5XNBD Catalyst 9300 24-port data only, Network	1	
	C9300 DNA Advantage, 24-port Term Licenses	1	
	C9300 DNA Advantage, 24-Port, 3 Year Term License	1	
	Cisco DNA Spaces Extend Term License for Catalyst Switches	1	
	Cisco DNA Spaces Extend for Catalyst Switching - 3Year	1	
	Cisco ThousandEyes Enterprise Agent IBN Embedded	1	
	ThousandEyes - Enterprise Agents	1	
	C9300 Network Advantage, 24-port license	1	
	Cisco Catalyst 9300 XE 17.12 UNIVERSAL	1	
	350W AC 80+ platinum Config 1 Power Supply	1	
	350W AC 80+ platinum Config 1 Secondary Power Supply	1	
	Europe AC Type A Power Cable	2	
	No SSD Card Selected	1	
	50CM Type 1 Stacking Cable	1	
	Catalyst Stack Power Cable 30 CM	1	
	TE agent for IOSXE on C9K	1	
	RUBBER FEET FOR TABLE TOP SETUP 9200 and 9300	1	
	12-24 and 10-32 SCREWS FOR RACK INSTALLATION, QTY 4	1	
	1RU CABLE MANAGEMENT GUIDES 9200 and 9300	1	
	Catalyst 9300 8 x 10GE Network Module	1	
	Network Plug-n-Play Connect for zero-touch device deployment	1	
	1000BASE-SX SFP transceiver module, MMF, 850nm, DOM	2	
	10GBASE-SR SFP Module, Enterprise-Class	5	
4	Thiết bị chuyển mạch Cisco Catalyst 1000 24port GE, 4x1G SFP (bảo hành 12 tháng), mỗi chiếc bao gồm:	3	chiếc
	SNTC-8X5XNBD Catalyst 1000 24port GE, 4x1G SFP, LANBa	1	
	AC Power Cord (Europe), C13, CEE 7, 1.5M	1	

5	Thiết bị chuyển mạch Catalyst 1300 12-port 10GE, 2x10G SFP+ (bảo hành 12 tháng), mỗi chiếc bao gồm:		3	chiếc	
	SNTC-8X5XNBD Catalyst 1300 12-port 10GE, 2x10G SFP+		1		
	AC Power Cord (Europe), C13, CEE 7, 1.5M		1		
	1000BASE-SX SFP transceiver module, MMF, 850nm, DOM		2		
6	Thiết bị chuyển mạch Catalyst 1300 16-port GE, Full PoE, 2x1G SFP (bổ sung cho HO) bảo hành 12 tháng, mỗi chiếc bao gồm:		1	Chiếc	
	SNTC-8X5XNBD Catalyst 1300 16-port GE, Full PoE, 2x1G		1		
	AC Power Cord (Europe), C15, CEE 7, 2.5m		1		
	1000BASE-SX SFP transceiver module, MMF, 850nm, DOM		12		
7	Thiết bị tường lửa Firewall FG-201F (bảo hành 12 tháng), mỗi bộ bao gồm:		2	bộ	
	18 x GE RJ45 (including 1 x MGMT port, 1 X HA port, 16 x switch ports), 8 x GE SFP slots, 4 x 10GE SFP+ slots, NP6XLite and CP9 hardware accelerated, 480GB onboard SSD storage.		1		
	Advanced Threat Protection (IPS, Advanced Malware Protection Service, Application Control, and FortiCare Premium)		1		
	10GE SFP+ transceiver module, short range for systems with SFP+ and SFP/SFP+ slots		1		
8	Thiết bị tường lửa Firewall FC-101F (bảo hành 12 tháng), mỗi bộ bao gồm:		2	bộ	
	22 x GE RJ45 ports (including 2 x WAN ports, 1 x DMZ port, 1 x Mgmt port, 2 x HA ports, 16 x switch ports with 4 SFP port shared media), 4 SFP ports, 2x 10G SFP+ FortiLinks, 480GB onboard storage, dual power supplies redundancy.		1		
	FortiCare Premium Support		1		
	1GE SFP+ transceiver module, short range for systems with SFP+ and SFP/SFP+ slots		2		
III	Cung cấp dịch vụ thuê thiết bị, triển khai và phụ kiện				
1	Dịch vụ cho thuê máy chủ (thời hạn 03 tháng)		1		
	Intel Xeon Gold 6133 (20C/40T, 2.50Ghz, 27.5MB)		1		
	RAM 32GB DDR4 ECC Registered		4		
	Disk 480GB SSD Enterprise 2.5"		2		
	Disk 960GB SSD Enterprise 2.5"		4		
	Network port		1Gbps		
	Card raid P408i		1		
	Nguồn 800W		2		
	2	Gói phụ kiện đầu nối (dây nhảy quang, đồng, thanh cấp nguồn PDU)		1	gói
		Dây thít 10mm		3	
Dây thít 15mm			3		
Băng máy in nhãn Brother 12mm (TZE-331)			8		
Đai ốc bắt Rack (1 túi gồm 100 ốc và tai Rack)			2		
Dây bó quang			10		
LC-LC, MM, OM3,DP - 3m			6		
LC-LC, MM, OM3,DP - 5m			10		
NPC06UVDB-BL007F - 2.1m		16			

	NPC06UVDB-BL010F - 3m		40	
	NPC06UVDB-BL017F - 5m		14	
	Bộ nhớ trong ram máy chủ DDR4 32GB PC4-23400 2933MHz RDIMM 2Rx4		4	
	Cáp U/UTP, Cat.6, 4 đôi, CM, 23 AWG, Solid, màu xanh dương, 305m		1	
	Đầu nối cáp FTP, Cat.6, RJ45, 26-23 AWG, 5.7-7.0mm		1	
	Khay cố định sâu 850mm, màu đen		1	
IV	Dịch vụ triển khai		1	gói
1	Tháo, vận chuyển và lắp đặt thiết bị từ phòng máy chủ ở vị trí tòa nhà Thành Công sang vị trí phòng máy chủ số 2 Liễu Giai.		1	
2	Thiết kế, lắp đặt, cấu hình hệ thống thiết bị theo danh mục hàng hóa yêu cầu trên.		1	

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành: theo yêu cầu của Chủ đầu tư khi đàm phán Hợp đồng.

